

## **CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

*(Ban hành theo Quyết định số 125/QĐ-CĐXD1 ngày 14 tháng 5 năm 2014  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Xây dựng số 1)*

**Tên chương trình** : Quản lý Xây dựng công trình nông thôn  
**Trình độ đào tạo** : Cao đẳng  
**Ngành đào tạo** : Quản lý Xây dựng  
**Mã ngành** : 51580302  
**Loại hình đào tạo** : Chính quy tập trung

### **1. Mục tiêu đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo kỹ thuật viên trình độ Cao đẳng ngành Quản lý Xây dựng - chuyên ngành Quản lý Xây dựng công trình nông thôn có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn hợp lý về Kỹ thuật Xây dựng và Quản lý Xây dựng công trình nông thôn (trụ sở làm việc, trường học, chợ, trạm y tế, đường giao thông, hệ thống thủy lợi...) để đáp ứng được các yêu cầu về nhân lực cho ngành xây dựng, các địa phương, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

#### **1.2. Mục tiêu cụ thể**

##### **1.2.1. Yêu cầu về kiến thức:**

- Trình bày được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước;
- Vận dụng những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành;
- Đạt trình độ ngoại ngữ: tương đương bậc A2 (*theo quy định trình độ của Bộ Giáo dục & Đào tạo*)
- Đạt trình độ tin học: B (*theo quy định trình độ của Bộ Giáo dục & Đào tạo*)
- Đạt chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất.
- Vận dụng kiến thức về lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý cấp giấy phép xây dựng, quản lý địa chính, quản lý hạ tầng kỹ thuật vào việc quản lý xây dựng công trình nông thôn tại các địa phương;
- Áp dụng kiến thức về kỹ thuật xây dựng: Tổ chức thi công công trình xây dựng, cấp thoát nước và môi trường vào việc quản lý thi công công trình thực tế;

- Vận dụng kiến thức về định giá xây dựng, dự toán xây dựng và thanh toán, quyết toán công trình để tác nghiệp các vấn đề thực tế liên quan.

### **1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng:**

- Đọc được các bản vẽ thiết kế, thi công cho công trình xây dựng nông thôn (xây dựng trụ sở, trường học, chợ, trạm y tế, đường giao thông, hệ thống thủy lợi...);

- Lập dự toán công trình, hồ sơ thanh toán khối lượng hoàn thành cho công trình xây dựng nông thôn;

- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng chỉ phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (lập thuyết minh);

- Tổ chức quản lý giám sát kỹ thuật các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương;

- Quản lý địa chính ở các nội dung: Mốc địa giới; bảo quản tư liệu về đất đai, đo đạc, bản đồ; tư vấn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất;

- Tổ chức quản lý quá trình lập và thực hiện quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và xây dựng nông thôn mới;

- Hướng dẫn và quản lý về cấp giấy phép xây dựng: Quy trình và hồ sơ xin cấp, đổi giấy phép xây dựng; Quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm các hoạt động xây dựng trong thẩm quyền của địa phương;

- Sử dụng được tin học ứng dụng trong công tác chuyên môn: Phần mềm dự toán, Autocad.

- Kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc theo nhóm và soạn thảo văn bản;

- Sử dụng các phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel)

- Sử dụng Anh văn trong giao tiếp thông dụng, biết vận dụng vốn từ vựng chuyên ngành trong quá trình công tác.

### **1.2.3. Yêu cầu về thái độ:**

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân: Có lập trường và quan điểm vững vàng về chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Nắm vững và vận dụng các chủ trương chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước vào lĩnh vực Quản lý Xây dựng công trình nông thôn của địa phương; Có đức tính cần cù chịu khó và sáng tạo, ý thức trách nhiệm trong nghề nghiệp; Hiểu và thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với đất nước.

- Tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Có tác phong làm việc khoa học, trung thực, tận tâm trong hoạt động nghề nghiệp và có thái độ tận tụy phục vụ nhân dân.

- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc: Có ý thức vươn lên trong học tập, không ngừng đưa tiến bộ kỹ thuật mới vào lĩnh vực sản xuất của ngành nhằm tạo ra các sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao cho xã hội.

#### 1.2.4. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong:

- Các bộ phận quản lý chuyên môn thuộc cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định (công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng - môi trường);
- Các doanh nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng;
- Các doanh nghiệp xây lắp;
- Các Ban quản lý dự án của địa phương và đơn vị chủ đầu tư.

#### 2. Thời gian đào tạo: 2 ÷ 3 năm

#### 3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 100 tín chỉ

*(không kể các học phần giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)*

#### 4. Đối tượng tuyển sinh:

Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### 5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp: *(theo quy định của trường)*

#### 6. Thang điểm: 10

#### 7. Nội dung chương trình

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ			Ghi chú
		Tổng	Lý thuyết	Bài tập, thảo luận, thực hành	
<b>1</b>	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>25</b>	<b>20</b>	<b>5</b>	
<b>2</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>75</b>	<b>36</b>	<b>39</b>	
2.1	<i>Kiến thức cơ sở</i>	16	9	7	
2.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	34	20	14	
2.3	<i>Kiến thức bổ trợ tự do</i>	10	7	3	
2.4	<i>Thực tập tốt nghiệp</i>	10	0	10	
2.5	<i>Tốt nghiệp</i>	5		5	
<b>3</b>	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>56</b>	<b>44</b>	

**Cụ thể:**

**7.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<b>7.1.1. Lý luận chính trị</b>						
1	010101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin	5	4	1	Khoa LLCT
2	010102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	Khoa LLCT
3	010103	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0	Khoa LLCT
<b>7.1.2. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Khoa học xã hội</b>						
<i>Bắt buộc</i>						
4	010104	Toán ứng dụng	3	2	1	Khoa CB
5	010105	Vật lý đại cương	2	1	1	Khoa CB
6	010106	Hoá học đại cương	2	2	0	Khoa CB
7	010107	Tin học cơ sở	1	0	1	TTTH
8	010108	Pháp luật đại cương	2	2	0	Khoa LLCT
<i>Tự chọn (chọn 1 trong 2 học phần)</i>						
9.1	010109	Soạn thảo văn bản	2	2	0	Khoa KT-TC
9.2	010110	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	Khoa LLCT
<b>7.1.3. Ngoại ngữ</b>						
10	010111	Anh văn giao tiếp	3	2	1	TTNN
<b>7.1.4. Giáo dục quốc phòng – Giáo dục thể chất</b>						
11	010112	Giáo dục thể chất	3			Khoa CB
12	010113	Giáo dục quốc phòng	8			Khoa CB

**7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 75 tín chỉ**

**7.2.1 Kiến thức cơ sở: 16 tín chỉ**

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
13	010201	Vẽ xây dựng 1	3	2	1	Khoa XD
14	010203	Cơ học công trình 1	4	2	2	
15	010202	Vật liệu Xây dựng 1	2	1	1	
16	010302	Kết cấu bê tông cốt thép 1	2	1	1	

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
17	030201	Quản trị học	2	1	1	Khoa KT-TC
18	010301	Cấu tạo kiến trúc	3	2	1	Khoa XD

7.2.2 Kiến thức ngành: 34

7.2.2.1. Kiến thức chung của ngành: 12

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
19	010306	Kỹ thuật thi công 1	3	2	1	Khoa XD
20	010316	Đồ án Kỹ thuật thi công	1	0	1	Khoa XD
21	030301	Định mức - Đơn giá xây dựng	2	1	1	Khoa QLXD
22	010309	Tổ chức thi công công trình xây dựng	3	2	1	Khoa XD
23	010317	Đồ án tổ chức thi công công trình xây dựng	1	0	1	
24	010402	Tin học ứng dụng Autocad	2	0	2	TTTH

7.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu của ngành (chuyên ngành): 22 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<i>Bắt buộc: 20 tín chỉ</i>						
25	150301	Pháp luật quản lý đất đai, môi trường	2	2	0	Khoa LLCT
26	150302	Lập và quản lý dự án đầu tư xây dựng	3	2	1	Khoa QLXD
27	150303	Đồ án lập dự án đầu tư xây dựng	1	0	1	Khoa QLXD
28	150304	Quản lý cấp giấy phép xây dựng	2	2	0	Khoa QLXD
29	150305	Quản lý địa chính	2	2	0	Khoa XD
30	150306	Quản lý hạ tầng kỹ thuật	2	2	0	Khoa CTN&MT
31	010206	Cấp thoát nước và môi trường	2	1	1	Khoa CTN&MT
32	030308	Dự toán xây dựng	3	2	1	Khoa QLXD
33	010310	Thanh toán, quyết toán công trình	2	1	1	Khoa QLXD
34	030309	Dự toán máy	1	0	1	TT TH

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<i>Tự chọn: 2 tín chỉ (Chọn 1 trong 3 học phần)</i>						
35.1	010305	Máy xây dựng	2	1	1	Khoa XD
35.2	010308	An toàn lao động	2	2	0	Khoa XD
35.3	030311	Marketing căn bản	2	2	0	Khoa KT-TC

### 7.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do: 10 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
36	150401	Quy hoạch xây dựng nông thôn mới	2	1	1	Khoa XD
37	010401	Anh văn chuyên ngành	2	1	1	TT NN
38	010205	Trắc địa	2	1	1	Khoa XD
39	010311	Pháp luật xây dựng	2	2	0	Khoa LLCT
40	150402	Giải quyết tranh chấp về xây dựng, đất đai	2	2	0	Khoa LLCT

### 7.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận/ đề án tốt nghiệp: 15 tín chỉ

TT	Mã số	Môn học	Số tín chỉ			Đơn vị quản lý
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	
<i>Thực tập: 10 tín chỉ</i>						
41	010501	Thực tập xây dựng cơ bản 1 (4 tuần)	2	0	2	Khoa ĐTN
42	150501	Thực tập dự toán và thanh toán công trình nông thôn mới (3 tuần)	3	0	3	Khoa QLXD
43	150502	Thực tập địa chính (2 tuần)	2	0	2	Khoa XD
44	150503	Thực tập cán bộ quản lý xây dựng (ngoài trường) (8 tuần)	3	0	3	Khoa QLXD
<i>Tốt nghiệp: 5 tín chỉ</i>						
Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $\geq 7,0$ thì làm đề án						
45	150601	Đề án	5	0	5	Khoa QLXD
Nếu điểm trung bình học tập toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $< 7,0$ thì học các môn: <b>Ghi chú:</b> trường hợp điểm trung bình HT toàn khóa (chưa kể tốt nghiệp) $\geq 7,0$ nếu sinh viên không có nhu cầu làm đề án thì phải đăng ký học thêm các môn thay thế.						
45.1	150602	Thực tập lập và quản lý dự án	2	0	2	Khoa QLXD
45.2	030306	Nghiệp vụ đấu thầu xây lắp	2	2	0	
45.3	030307	Đề án đấu thầu xây lắp	1	0	1	

## 8. Kế hoạch giảng dạy (theo tiến trình đào tạo)

## 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình